

Một số khó khăn trong phát triển tư duy phản biện cho sinh viên ngành Sư phạm Địa lí, Trường Đại học Cần Thơ

Trịnh Chí Thâm, Nguyễn Thị Ngọc Phúc*

*Khoa Sư phạm, Trường Đại học Cần Thơ

Received: 10/11/2023; Accepted: 18/11/2023; Published: 24/11/2023

Abstract: The purpose of this study is to analyze difficulties in order to propose solutions for developing critical thinking of Geography pedagogy students at Can Tho University. The research results have shown that there were two groups of factors including subjective and objective ones. The subjective factors were the passivity of students, lack of information, the limitation of time, inefficiencies in cooperation, restriction of soft skills, student's lack of confidence, (...). At the same time, objective ones that can affect the development of critical thinking consisted of the limitation of class time, negative affects of social network, the impacts of part-time job, theoretical properties of assessment, lack of materials or learning aids, ...

Keywords: Difficulties, Geography Pedagogy, Can Tho University, critical thinking.

1. Đặt vấn đề

Tư duy phản biện (TDPB) là một khả năng tư duy bậc cao gồm nhiều thao tác được hình thành và phát triển dưới sự tác động của nhiều yếu tố (Ennis, 1996). TDPB diễn ra trong một quá trình gồm nhiều thao tác của tư duy có mối liên hệ qua lại và tác động lẫn nhau. Quá trình này diễn ra liên tục khi người học tiếp nhận thông tin đến khi họ đưa ra được quyết định nào đó trong niềm tin hay hành động cụ thể (Mason, 2008).

Vì chịu sự tác động của nhiều yếu tố nên việc phát triển TDPB bị chi phối một cách phức tạp (Nisich, 2009; Joanne, 1988). Các nhân tố tác động đến sự hình thành và phát triển của TDPB có thể xuất phát cả từ SV và các đối tác liên quan và môi trường, điều kiện xung quanh. Chính vì thế, điều này càng làm cho việc phát triển TDPB càng trở nên phức tạp.

Xuất phát từ nhu cầu thực tế, việc nghiên cứu và phân tích các khó khăn là một công việc quan trọng nhằm xác định nguyên nhân sâu xa ảnh hưởng đến mức độ và chất lượng phản biện của tư duy người học. Từ việc xác định nguyên nhân một cách đầy đủ và chính xác, hệ thống giải pháp sẽ được đề xuất một cách khả thi nhằm phát triển TDPB cho SV một cách hiệu quả nhất có thể.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Một số khó khăn chính

2.1.1. Khó khăn chủ quan

Một trong bảy khó khăn chủ quan được nhiều người đề cập nhất là “tâm lí lo lắng và e ngại của SV” khi tham gia phản biện và có đến 97/104 đối tượng được khảo sát nhận thấy như vậy. Kế tiếp, có 92 đối tượng được khảo sát đồng ý rằng một vai SV ngành SPĐL “còn khá thụ động” nên đã ảnh hưởng chung

đến chất lượng các hoạt động DH nói chung và hiệu quả phát triển TDPB nói riêng. Tương tự như vậy, có 91 SV và GV cùng chia sẻ rằng khá nhiều “SV thiếu kiến thức và ý tưởng” nên khó có thể tham gia phản biện một cách hiệu quả. Nói cách khác, trong quá trình phản biện những SV này có xu hướng lắng nghe, ghi chép và nhất trí với quan điểm được số đông người học chấp nhận. Trong các khó khăn chủ quan, sức khỏe chưa tốt là yếu tố ít tác động đến việc phát triển TDPB. Tuy vậy, nhiều SV và GV cho rằng việc không đảm bảo sức khỏe đôi lúc ảnh hưởng rất lớn đến chất lượng phản biện. Nhưng thực tế, không phải lúc nào và SV nào cũng gặp những vấn đề về sức khỏe nên yếu tố này ít cản trở đến hoạt động học tập và phản biện của người học. Một GV chia sẻ rằng “Khi tham gia tranh luận về vấn đề, nếu người học nhưc đầu, sốt hoặc gặp các vấn đề sức khỏe họ khó có thể tập trung. Nếu có, người học cũng chỉ phản biện nhằm hoàn thành nhiệm vụ hoặc yêu cầu từ GV”. Thực tế, điều này cũng dễ hiểu vì các vấn đề sức khỏe và sinh lí có mối liên hệ mật thiết đến tâm lí và hiệu suất làm việc của bất kì ai. Đôi lúc, yếu tố thời tiết không thuận lợi cũng có thể ảnh hưởng xấu đến hiệu quả học tập và phản biện. Bên cạnh đó, các khó khăn gồm kĩ năng còn yếu, sự hợp tác còn hạn chế và chưa hiệu quả, và thời gian dành cho việc học chưa đủ cũng thu hút sự quan tâm của nhiều SV và GV khi hơn một nửa đối tượng được khảo sát đề cập đến ba khó khăn này.

2.1.2. Khó khăn khách quan

Trong bất kì hoàn cảnh nào, các yếu tố chủ quan thường có vai trò quyết định vì nó xuất phát từ chủ thể hoạt động. Đối với việc phát triển TDPB cũng vậy, các khó khăn chủ quan được 89,4% đối tượng được khảo

sát đánh giá là những cản trở chính yếu trong quá trình phát triển TDPB. Tuy nhiên, đáp viên cũng khẳng định những khó khăn khách quan ảnh hưởng không nhỏ. Cụ thể, sự can thiệp của mạng xã hội đã trở thành yếu tố được nhiều người quan tâm nhất khi có đến 77/104 SV và GV thừa nhận đây là một khó khăn lớn. Tiếp theo đó, sự hạn chế về thời gian học tập trên lớp và dành nhiều thời gian cho việc đi làm thêm là hai khó khăn được 65/104 và 63/104 đối tượng đề cập. Họ cho rằng đây là hai vấn đề rất phổ biến và thực tế ảnh hưởng lớn đến chất lượng DH nói chung và phát triển TDPB nói riêng. Ba khó khăn khác được hơn một nửa đối tượng được khảo sát quan tâm gồm nguồn tư liệu và thiết bị còn thiếu (58/104), nội dung kiểm tra đánh giá mang tính lý thuyết (57/104) và PPDH còn lạc hậu (54/104). Hai khó khăn còn lại có thể được xem là ít ảnh hưởng đến quá trình phát triển TDPB khi chỉ có khoảng 1/3 đáp viên gặp phải gồm GV chưa hỗ trợ, môi trường sống và học tập chưa tạo điều kiện.

2.2. Ý kiến đề xuất từ sinh viên và giảng viên

Dựa trên những khó khăn gặp phải trong quá trình phát triển TDPB cho SV ngành SPĐL, một số đề xuất được SV và GV đưa ra nhằm hỗ trợ việc phát triển TDPB được hiệu quả hơn. Trong số các đề xuất, có 10 ý kiến được nhiều đáp viên đề cập nhất. Kết quả thống kê như trong bảng sau:

Bảng 2.1. Ý kiến đề xuất của giảng viên và sinh viên

	GIẢNG VIÊN		SINH VIÊN		TỔNG SỐ	
Tăng cường ứng dụng CNTT	6	54,5%	59	63,4%	65	62,5%
Đổi mới PP dạy - học	10	90,9%	77	82,8%	87	83,7%
Hỗ trợ từ GV	9	81,8%	66	71,0%	75	72,1%
Phân bổ thêm thời gian	8	72,7%	51	54,8%	59	56,7%
Tạo cơ hội trao đổi	8	72,7%	76	81,7%	84	80,8%
Thay đổi hình thức KT – ĐG	9	81,8%	60	64,5%	69	66,3%
Xây dựng môi trường học tập	8	72,7%	79	84,9%	87	83,7%
Hoàn thiện thiết bị và tài liệu	8	72,7%	67	72,0%	75	72,1%
Lắng nghe có tư duy	9	81,8%	53	57,0%	62	59,6%
Tư tin và chủ động học tập	10	90,9%	62	66,7%	72	69,2%
	n = 93		n = 11		n = 104	

Nguồn: Kết quả khảo sát tháng 03/2022, n = 104

Đổi mới PPDH là đề xuất có số lượng SV đề cập nhiều thứ hai với tỉ lệ 82,8% (77/93) nhưng lại là ý kiến được nhiều GV nhấn mạnh nhất (10/11). Vì thế, có thể thấy đây là đề xuất quan trọng cần được xem xét. Qua phỏng vấn, việc cần đổi mới PPDH được lí giải rằng một số hình thức tổ chức và PPDH mà một vài GV đang vận dụng không còn phù hợp với mục tiêu giáo dục hiện đại vì nó không thể khai phóng tư duy người học. Cụ thể, SV cho rằng “*Nội dung của một vài học phần được tổ chức DH qua hình thức thuyết trình nhưng thực tế SV chỉ sao chép lại nội*

dung bài giảng và diễn thuyết trước lớp”. Điều này được nhóm nghiên cứu kiểm chứng qua việc dự giờ nhằm phản ánh và làm rõ vấn đề hơn. Qua quá trình dự giờ, kết quả nghiên cứu cho thấy nhiều thành viên nhóm chưa thực sự nghiên cứu và thực hiện nhiệm vụ của mình. Mặt khác, có nhiều nội dung thuyết trình gần như giống hoàn toàn với kiến thức được trình bày từ bài giảng của GV. Tuy nhiên, vấn đề sâu xa xuất phát từ yêu cầu và cách đánh giá của GV đã làm cho việc DH qua báo cáo/thuyết trình còn mang tính hình thức, không phát triển được TDPB. Mặt khác, một số GV chưa kết hợp đa dạng các PPDH tích cực nên tạo tâm lí nhàm chán và thụ động học tập đối với SV. Chia sẻ về điều này, một GV cho rằng “*Tùy thuộc vào sở trường và điều kiện thực tế mà GV có thể lựa chọn hình thức và PPDH phù hợp nhưng rõ ràng tôi cũng nhận thấy một vài GV chưa kết hợp nhiều phương pháp dẫn đến người học thiếu hào hứng*”.

Đa số SV và GV quan tâm đến việc xây dựng môi trường học tập tích cực, có 84,9% SV và 8/11 GV đồng quan điểm vì họ nghĩ trong việc tổ chức giảng dạy một số học phần, GV chưa thực sự thiết lập được một môi trường lớp học thân thiện và cởi mở nên SV chưa mạnh dạn chia sẻ những quan điểm khác biệt hoặc trái ngược. SV cho biết “*Dù kiến thức được cung cấp có thể đúng và Thầy, Cô thường có hiểu biết tốt hơn nhưng em cũng có cách nhìn nhận vấn đề ở góc độ của mình. Vì thế, việc tạo bầu không khí thoải mái và tích cực là điều quan trọng để kích thích TDPB cho SV*”. Bên cạnh đó, người học cũng nhận thấy môi trường giáo dục nhà trường và cộng đồng còn thiếu gắn kết với nhau nên đôi lúc SV khó có thể trải nghiệm và đối chiếu những gì được học với thực tiễn cuộc sống. Thông thường, SV chỉ được làm dự án, nghiên cứu khoa học, thực tập,... vào những thời điểm nhất định nên họ thiếu cơ hội được học tập thực tiễn một cách chủ động và kịp thời. Việc xây dựng môi trường DH tích cực được lí giải gồm cải thiện bầu không khí lớp học, xây dựng các mối quan hệ tích cực (giữa thầy và trò, giữa trò và trò, giữa trò với các đối tác liên quan), môi trường học tập (nhà trường, gia đình và cộng đồng), văn hóa dạy và học,... (Trịnh Chí Thâm, 2016).

Tạo cơ hội để được trao đổi với nhiều người là đề xuất được 81,7% SV và 8/11 GV nêu lên vì họ nhận thấy trong quá trình học tập SV chưa có đủ cơ hội để chia sẻ ý kiến và thảo luận. Có thể nói, hiện tại dù số lượng SV trong mỗi lớp học đã giảm rất nhiều nên người học có nhiều cơ hội tham gia vào các hoạt động

học tập cụ thể và tranh luận nhiều hơn. Tuy nhiên, thời gian trên lớp còn khá hạn chế đã ảnh hưởng đến chất lượng phát triển tư duy người học khá nhiều. Một SV đưa ra nhận xét rằng *“Nhiều bạn chưa bao giờ chủ động trao đổi cùng mọi người, thậm chí những bạn ấy không thảo luận với những người cùng làm việc chung một nhóm. Vì thế, TDPB không thể nào được biểu hiện và cải thiện được”*. Thực tế chứng minh điều này là hoàn toàn đúng vì tâm ý e dè và ngại giao tiếp làm cho một số người học hiếm khi hoặc không bao giờ mạnh dạn nói ra suy nghĩ của mình. Đôi lúc, họ hoàn toàn không đồng tình với người khác nhưng cũng giữ riêng ý kiến của bản thân và không muốn trình bày (McWhorter, 2011).

Hỗ trợ kịp thời và đúng cách từ GV là một đề xuất được nhiều đáp viên quan tâm với tỉ lệ 71% SV và 9/11 GV cùng ý kiến. Đối với đề xuất này, việc hỗ trợ được ưu tiên đối với những người học còn thụ động và thiếu tự tin trong quá trình tham gia các hoạt động học tập cụ thể và tranh luận trước đám đông. Thiếu tự tin là một trong những mấu chốt rất quan trọng làm ảnh hưởng đến NL phản biện của người học. Bên cạnh đó, thói quen học tập thụ động ảnh hưởng không nhỏ đến TDPB. Có GV cho rằng *“Mỗi lớp học chỉ được vài SV cho ý kiến và thắc mắc về kiến thức. Số còn lại học tập thụ động theo kiểu ghi chép và học thuộc nên không thể phát triển được TDPB”*. Tuy nhiên, điều này cũng cần được xem xét vì đôi lúc sự thụ động của người học một phần xuất phát từ cách tổ chức lớp học và vận dụng PPDH của GV. Việc hỗ trợ đúng cách còn hàm ý rằng người dạy không nên làm thay hoặc đưa ra kết quả vì điều này khiến người học không có cơ hội tư duy và làm việc (Leicester, 2010).

Hoàn thiện tài liệu và thiết bị dạy – học cũng là mong muốn của nhiều SV (72,0%) và GV (8/11), trong đó họ nhấn mạnh cần quan tâm nguồn học liệu chuyên ngành. Hiện tại, có thể nói Trung tâm Học liệu của Trường ĐHTC đang là một trong những thư viện lớn với nguồn tài liệu và cơ sở dữ liệu lớn. Tuy nhiên, nguồn học liệu vẫn còn chưa được đảm bảo vì còn tùy thuộc vào từng ngành học cụ thể. Cụ thể, SV ngành Sư phạm DL đánh giá rằng để tìm kiếm những tư liệu chuyên ngành cho những vấn đề cụ thể và mới, nguồn tư liệu từ Trung tâm học Liệu của Trường ĐHTC và Thư viện Khoa Sư phạm là không có. Như một SV chia sẻ, *“Thông thường, khi làm báo cáo hoặc bài tập, em không tìm được tài liệu nên hay lên mạng tìm đọc để lấy thông tin. Tuy nhiên, tài liệu điện tử không có nguồn chính thống nên đôi lúc không có độ tin cậy”*. Không chỉ SV, nhiều GV cũng thừa nhận rằng *“Dù là một ngành Khoa học có từ lâu đời và cũng được quan tâm nhưng những nghiên cứu và ấn phẩm của Khoa*

học DL còn khá hạn chế. Đã vậy, một số tài liệu cũ đã lạc hậu vì đối tượng DL có những biến đổi không lường”.

Bên cạnh năm đề xuất trên, những đề xuất khác cũng cần được quan tâm khi có tỉ lệ lớn đáp viên đưa ra ý kiến gồm cải thiện sự tự tin và chủ động của SV (69,2%), thay đổi hình thức kiểm tra đánh giá (66,3%), tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin (62,5%), rèn luyện thói quen lắng nghe có tư duy cho SV (59,6%) và phân bổ thêm thời gian học tập trên lớp (56,7%). Điều đặc biệt là đa số GV quan tâm đến năm đề xuất này. Ví dụ, có đến 10/11 GV mong muốn cải thiện sự tự tin và chủ động của người học, 9/11 GV đề xuất việc đổi mới hình thức kiểm tra - đánh giá, 9/11 GV tin tưởng cần rèn luyện thói quen lắng nghe có tư duy cho người học và hai đề xuất còn lại được 8/11 GV đồng ý kiến. Điều này cho thấy đây là những vấn đề quan trọng cần được đánh giá và xem xét để có những giải pháp hữu hiệu và khả thi.

3. Kết luận và kiến nghị

TDPB là một quá trình gồm nhiều thao tác nên chịu sự tác động rất khác nhau của nhiều yếu tố cả chủ quan lẫn khách quan. Trong đó, các yếu tố chủ quan đóng vai trò chủ đạo tạo nên chất lượng của TDPB. Tuy nhiên, nếu bỏ qua sự ảnh hưởng của các yếu tố khách quan thì kết quả phát triển TDPB là không như mong đợi. Nói cách khác, phải tạo nên môi trường quan tác động tích cực cùng lúc từ các yếu tố chủ quan và khách quan để TDPB có đủ điều kiện hình thành và phát triển.

Đề xuất của SV và GV thể hiện nguyện vọng của họ và cũng là các giải pháp mà họ nghĩ rằng có tính khả thi trong việc khắc phục các khó khăn trong quá trình phát triển TDPB. Tuy vậy, để đánh giá độ tin cậy của các đề xuất này, cần phân tích tổng hợp chúng với những khó khăn đã được thu thập và phân tích qua khảo sát, phỏng vấn và dự dự.

Tài liệu tham khảo

1. Carter, H. R. P. (2011). *Critical Thinking: A Benefit of Higher Education*. Firehouse, 36, p82-84.
2. Ennis, R. H. (1996). *Critical thinking*. Upper Saddle River, NJ: Prentice Hall.
3. Joanne, G. K. (1988). *Critical Thinking: Theory, Research, Practice, and Possibilities* (2nd Printing, 1st Ed). ASHE-ERIC/Higher Education Research Report, Volume 17, Number 2 (166 pages).
4. Leicester, M. (2010). *Teaching critical thinking skills*. New York: Continuum.
5. Mason, M. (2008). *Critical thinking and learning*. Oxford: Blackwell.
6. McWhorter, K. T. (2011). *Study and critical thinking skills in college* (7th ed.). Boston: Longman.